PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ CÔNG THƯƠNG

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 29/2016/TT-BCT

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2016

THÔNG TƯ
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 41/2015/TT-BCT ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 41/2015/TT-BCT ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương

Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương được ban hành kèm theo Thông tư này thay thế Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách

nhiệm quản lý của Bộ Công Thương ban hành kèm theo Thông tư 41/2015/TT-BCT ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2017./.

BỘ TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh

PHỤ LỤC

Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương

(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016)

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/ Tiêu chuẩn	Mã số HS	Văn bản điều chỉnh
1	*2*	*3*	*4*	*5*
I	**Hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp**			
1	***Tiền chất thuốc nổ*** (Các hỗn hợp chất có hàm lượng tiền chất thuốc nổ lớn hơn 45%)			Nghị định số 39/2009/NĐ-CP(1)
1.1	Amoni nitrat (NH_4NO_3) dạng tinh thể dùng để sản xuất thuốc nổ nhũ tương	QCVN 05:2015/BCT	3102.30.00	Thông tư số 17/2015/TT-BCT(2)
1.2	Amoni nitrat (NH_4NO_3) dạng hạt xốp dùng để sản xuất thuốc nổ ANFO	QCVN 03:2012/BCT		Thông tư số 12/2012/TT-BCT(3)
2	***Vật liệu nổ công nghiệp*** (bao gồm: thuốc nổ công nghiệp, mồi nổ, kíp nổ, dây nổ, hạt nổ, dây LIL các loại)			Nghị định số 39/2009/NĐ-CP
2.1	Các loại kíp nổ điện dùng trong công nghiệp	QCVN 02:2015/BCT	3603.00.10	Thông tư số 15/2015/TT-BCT(4)
2.2	Kíp nổ đốt số 8 dùng trong công nghiệp	QCVN 03: 2015/BCT	3603.00.10	
2.3	Dây nổ chịu nước dùng trong công nghiệp	QCVN 04: 2015/BCT	3603.00.90	Thông tư số 16/2015/TT-BCT(5)
2.4	Dây cháy chậm công nghiệp	QCVN 06: 2015/BCT	3603.00.20	Thông tư số 18/2015/TT-BCT(6)
2.5	Mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp	QCVN 08: 2015/BCT	3603.00.90	Thông tư số 20/2015/TT-BCT(7)
2.6	Thuốc nổ nhũ tương	QCVN 05:2012/BCT	3602.00.00	Thông tư số

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/ Tiêu chuẩn	Mã số HS	Văn bản điều chỉnh
1	*2*	*3*	*4*	*5*
	dùng cho mỏ hầm lò, công trình ngầm không có khí và bụi nổ			14/2012/TT-BCT(8)
2.7	Thuốc nổ amonit AD1	QCVN 07:2015/BCT		Thông tư số 19/2015/TT-BCT(9)
2.8	Thuốc nổ loại khác (Theo danh mục tại Mục I - Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BCT)	Các chỉ tiêu kỹ thuật nêu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BCT		Thông tư số 45/2013/TT-BCT(10)
II	**Máy, thiết bị đặc thù công nghiệp**			
1	***Nồi hơi nhà máy điện***	TCVN 5346:1991	8402.20.10 8402.20.20	Thông tư số 48/2011/TT-BCT(11)
2	***Nồi hơi có kết cấu không lắp trên các phương tiện giao thông vận tải, áp suất làm việc định mức của hơi trên 0,7 bar dùng trong công nghiệp***	TCVN 7704:2007; TCVN 6413:1998; TCVN 6008:2010; TCVN 5346:1991;	8402.11.10 8402.11.20 8402.12.11 8402.12.19 8402.12.21 8402.12.29 8402.19.11 8402.19.19 8402.19.21 8402.19.29	Thông tư số 48/2011/TT-BCT
3	***Nồi đun nước nóng có nhiệt độ môi chất trên 115°C dùng trong công nghiệp***	TCVN 7704:2007; TCVN 6008:2010; TCVN 5346:1991;	8403.10.00	Thông tư số 48/2011/TT-BCT
4	***Bình chịu áp lực có kết cấu không lắp trên các phương tiện giao thông vận tải, áp suất làm việc định mức cao hơn 0,7 bar (không kể áp***	TCVN 8366:2010; TCVN 6155:1996; TCVN 6156:1996; TCVN 6008:2010;	7309.00.11 7309.00.19 7309.00.91 7309.00.99	Thông tư số 48/2011/TT-BCT

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/ Tiêu chuẩn	Mã số HS	Văn bản điều chỉnh
1	*2*	*3*	*4*	*5*
	suất thủy tĩnh) dùng trong công nghiệp			
5	***Bồn chứa LPG có kết cấu không lắp trên các phương tiện giao thông vận tải***	TCVN 8366:2010; TCVN 6155:1996; TCVN 6156:1996; TCVN 7441:2004; TCVN 8615-1:2010; TCVN 8615-2:2010;	7311.00.99	Thông tư số 41/2011/TT-BCT[12]
6	***Trạm nạp LPG cho chai, xe bồn, xe ô tô***	TCVN 6484:1999; TCVN 6485:1999; TCVN 7762:2007; TCVN 7763:2007; TCVN 7832:2007;	8479.89.30	Thông tư số 41/2011/TT-BCT
7	***Chai chứa LPG***	QCVN 04:2013/BCT	7311.00.93 7311.00.94	Thông tư số 18/2013/TT-BCT[13]
8	***Trạm cấp LPG***	QCVN 10:2012/BCT	8479.89.30	Thông tư số 49/2012/TT-BCT[14]
9	***Đường ống dẫn hơi và nước nóng cấp I, II có đường kính ngoài từ 51 mm trở lên; các đường ống dẫn cấp III, IV có đường kính ngoài từ 76 mm trở lên sử dụng trong công nghiệp***	TCVN 6158:1996; TCVN 6159:1996; QCVN 04:2014/BCT;	7304.39.20	Thông tư số 48/2011/TT-BCT
10	***Cột chống thủy lực đơn, Giá khung di động và dàn chống tự hành cấu tạo từ các cột chống thủy lực đơn sử dụng trong việc chống giữ lò trong khai thác hầm lò***	QCVN 01:2011/BCT	7308.40.10 7308.40.90	Thông tư số 03/2011/TT-BCT[15]
11	***Tời, trục tải có tải trọng từ 10.000 N trở***	TCVN 4244:2005;	8425.31.00	Thông tư số

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/ Tiêu chuẩn	Mã số HS	Văn bản điều chỉnh
1	*2*	*3*	*4*	*5*
	lên và góc nâng từ 25^o đến 90^o dùng trong công nghiệp	TCVN 5206:1990; TCVN 5207:1990; TCVN 5208:1990; TCVN 5209:1990;		48/2011/TT-BCT
12	***Máy biến áp phòng nổ***	TCVN 7079-1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	9817.30.10 9817.30.90	Thông tư số 48/2011/TT-BCT
13	***Động cơ điện phòng nổ***	TCVN 7079-1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	8501.10.29 8501.10.49 8501.10.59 8501.10.99 8501.20.19 8501.20.29 8501.31.40 8501.32.12 8501.32.92 8501.33.00 8501.34.00 8501.40.19 8501.40.29 8501.51.19 8501.52.19 8501.52.29 8501.52.39 8501.53.00	Thông tư số 48/2011/TT-BCT
14	***Thiết bị phân phối, đóng cắt phòng nổ*** (Khởi động từ, Khởi động mềm, Atomat, Máy cắt điện tự động, Biến tần, Rơ le dòng điện dò)	TCVN 7079-1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	8504.40.90 8535.21.10 8535.21.90 8535.29.00 8535.30.20 8536.20.11 8536.20.12 8536.20.19	Thông tư số 48/2011/TT-BCT

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/ Tiêu chuẩn	Mã số HS	Văn bản điều chỉnh
1	*2*	*3*	*4*	*5*
			8536.30.90	
			8536.41.10	
			8536.41.20	
			8536.41.30	
			8536.41.40	
			8536.41.90	
			8536.49.10	
			8536.49.90	
15	***Thiết bị điều khiển phòng nổ*** (Bảng điều khiển, Hộp nút nhấn)	TCVN 7079-1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	8537.10.11	Thông tư số 48/2011/TT-BCT
			8537.10.19	
			8537.10.92	
			8537.10.99	
			8537.20.21	
			8537.10.29	
			8536.50.99	
16	***Máy phát điện phòng nổ***	TCVN 7079-1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	8502.11.00	Thông tư số 48/2011/TT-BCT
			8502.12.10	
			8502.12.20	
			8502.13.10	
			8502.13.90	
			8502.20.10	
			8502.20.20	
			8502.20.30	
			8502.20.41	
			8502.20.49	
			8502.39.10	
			8502.39.20	
			8502.39.31	
			8502.39.39	
17	***Thiết bị thông tin phòng nổ*** (Điện thoại, Máy đàm thoại, Còi	TCVN 7079-1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	8517.11.00	Thông tư số 48/2011/TT-BCT
			8517.12.00	
			8517.18.00	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/ Tiêu chuẩn	Mã số HS	Văn bản điều chỉnh
1	*2*	*3*	*4*	*5*
	điện, chuông điện)		8517.61.00	
			8517.62.51	
			8531.10.20	
			8531.10.30	
			8531.10.90	
			8531.80.11	
			8531.80.19	
18	***Cáp điện phòng nổ***	TCVN 7079-1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	8544.20.11	Thông tư số 48/2011/TT-BCT
			8544.20.19	
			8544.20.21	
			8544.20.29	
			8544.20.31	
			8544.20.39	
			8544.42.91	
			8544.42.92	
			8544.42.99	
			8544.49.22	
			8544.49.23	
			8544.49.29	
			8544.49.41	
			8544.49.49	
			8544.60.11	
			8544.60.19	
			8544.60.21	
			8544.60.29	
19	***Đèn chiếu sáng phòng nổ***	TCVN 7079-1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	9405.10.30	Thông tư số 48/2011/TT-BCT
			9405.10.40	
			9405.10.90	
			9405.40.20	
			9405.40.40	
			9405.40.60	
			9405.40.99	
			9405.60.90	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/ Tiêu chuẩn	Mã số HS	Văn bản điều chỉnh
1	*2*	*3*	*4*	*5*
20	***Máy nổ mìn điện***	QCVN 01:2015/BCT	8543.70.90	Thông tư số 14/2015/TT-BCT[16]
21	Hệ thống ống dẫn khí đốt cố định bằng kim loại dùng trong công nghiệp	TCVN7441:2004; TCVN 6486:2008; TCVN 6008:2010; TCVN 4245:1996; TCVN 9385:2012; TCVN 9358:2012;		Thông tư số 48/2011/TT-BCT
22	Hệ thống điều chế, nạp khí, khí hóa lỏng, khí hòa tan dùng trong công nghiệp	TCVN 7441:2004		Thông tư số 48/2011/TT-BCT

Các văn bản tham chiếu:

---

[1] *Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp;*

[2] *Thông tư số 17/2015/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Amôni nitrat dùng để sản xuất thuốc nổ nhũ tương;*

[3] *Thông tư số 12/2012/TT-BCT ngày 12 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Amôni nitrat dùng để sản xuất thuốc nổ ANFO*;

[4] *Thông tư số 15/2015/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các loại kíp nổ;*

[5] *Thông tư số 16/2015/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dây nổ chịu nước;*

[6] *Thông tư số 18/2015/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dây cháy chậm công nghiệp;*

[7] *Thông tư số 20/2015/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mồi nổ dùng trong thuốc nổ công nghiệp;*

[8] *Thông tư số 14/2012/TT-BCT ngày 12 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thuốc nổ nhũ tương dùng cho mỏ hầm lò, công trình ngầm không có khí và bụi nổ;*

[9] *Thông tư số 19/2015/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thuốc nổ Amonit AD1;*

[10] *Thông tư số 45/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về Quy định Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam;*

[11] *Thông tư số 48/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc Quy định quản lý chất lượng các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;*

[12] *Thông tư số 41/2011/TT-BCT ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc Quy định về quản lý an toàn trong lĩnh vực khí dầu mỏ hóa lỏng;*

[13] *Thông tư số 18/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) bằng thép;*

[14] *Thông tư số 49/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trạm cấp khí dầu mỏ hóa lỏng;*

[15] *Thông tư số 03/2011/TT-BCT ngày 15 tháng 02 năm 2011của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác than hầm lò.*

[16] *Thông tư số 14/2015/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các loại kíp nổ.*